

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Quang Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Trương

Ông Hoàng Triệu Nghĩa

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2021/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2021; Quyết định Hoàn phiên tòa số: 11/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Phấn L.

Địa chỉ: Tổ dân phố Liên Hiệp 1C, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn; Anh Nguyễn Văn T.

Địa chỉ: thôn 1, xã Đ, huyện Mộ Đức tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/02/2021, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị Phấn L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Mộ Đức vào ngày 09/4/2015. Vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã và bất đồng

quan điểm sống. Nay tình cảm giữa chị và anh T không còn, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 23/12/2014 và Nguyễn Lê Trung D, sinh ngày 13/01/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, biết việc chị L khởi kiện nhưng anh T không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị L nên không có lời khai tại Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 51, 53, 56 Luật HNGĐ và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Chị Lê Thị Phấn L và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

+ Giao hai con chung tên Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 23/12/2014 và Nguyễn Lê Trung D, sinh ngày 13/01/2017 cho chị L nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Phấn L và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày

09/4/2015. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị L làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh T. Sau khi thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập các bên đến để hòa giải, động viên anh chị đoàn tụ chung sống, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con chung, nhưng chị L không những không đồng ý, mà còn cương quyết yêu cầu được ly hôn anh T. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập anh T đến làm việc, hòa giải nhưng anh từ chối nhận văn bản, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L với anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị L xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị L yêu cầu nuôi con là Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 23/12/2014 và Nguyễn Lê Trung D, sinh ngày 13/01/2017. Xét thấy hiện nay 02 cháu đang sống chung với chị L, anh T thì không chăm sóc vợ, không trực tiếp nuôi con và cũng không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ anh T đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trách nhiệm đối với con chung. Do đó, để đảm bảo ổn định về cuộc sống và các điều kiện phát triển về mọi mặt của con chưa thành niên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 con cho chị L chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là hoàn toàn hợp lý.

[4] *Về cấp dưỡng cho con*: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về tài sản chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] *Về nợ chung*: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê Thị Phấn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), sung công quỹ Nhà nước.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Phấn L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 23/12/2014 và Nguyễn Lê Trung D, sinh ngày 13/01/2017 cho chị Lê Thị Phấn L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không yêu cầu anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.
4. Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.
5. Về án phí: Chị Lê Thị Phấn L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005888, ngày 23 tháng 2 năm 2021.
6. Chị Lê Thị Phấn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (11/5/2021). Đối với anh Nguyễn Văn T không có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Mộ Đức
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Quang Hiệp